TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **01**/2019/QĐDS-ST Ngày 29 tháng 3 năm 2019 *V/v*: *Chấm dứt việc nuôi con nuôi.*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

***Với thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình*:**

Chủ tọa phiên họp: Ông **Nguyễn Ngọc Long** - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà **Phan Lan Hương** - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên họp:

Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 696/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về yêu cầu "Chấm dứt việc nuôi con nuôi" theo Quyết định mở phiên họp số: 31/2019/QĐST - MPH ngày 28 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên họp số: 47/2019/QĐST - HPH ngày 14 tháng 3 năm 2019 giữa:

* ***Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình***: Ông **Phan Văn L**, sinh năm 1939; Đăng ký hộ khẩu: tập thể Z T, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; (ông L1 vắng mặt); Người đại diện theo ủy quyền của ông L1: bà **Trần T**, sinh năm: 1984; căn cước công dân số 036184005113 cấp tại Hà Nội theo giấy ủy quyền số 83/2019 quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại văn phòng công chứng Nguyễn Hùng – thành phố Hà Nội (bà Thanh có mặt);

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Anh **Phan Quốc L**, sinh năm 1970; Đăng ký hộ khẩu: tập thể Z T, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số 1B nhà D tập thể C, ngõ 29 Láng Hạ, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (anh L vắng mặt lần thứ hai liên tiếp)

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Theo đơn yêu cầu cũng như tại phiên họp ông L1 và người đại diện theo ủy quyền của ông L1, bà Trần T trình bày:

Ông Phan Văn L và vợ là bà Lưu Thị Bích L kết hôn từ những năm 60 nhưng không có con nên đã nhận nuôi con nuôi là anh Phan Quốc L khi anh L mới được bốn tháng tuổi. Việc nhận con nuôi được làm thủ tục hợp pháp tại Ủy ban hành chính khu Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm nhận nuôi con nuôi. Anh L sống với vợ chồng ông L1, bà Liên kể từ đó đến khi bà Liên chết tháng 8 năm 2016. Ông L1 có Đăng ký hộ khẩu tại: tập thể Z T, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Theo Bản sao trích lục khai sinh ngày 07/11/2018 của UBND quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, anh Phan Quốc L sinh ngày 02/5/1970, hiện nay đã 49 tuổi và có năng lực hành vi dân sự. Cách đây khoảng 10 (mười) năm, anh L tìm lại được bố mẹ đẻ và thường xuyên qua lại, thăm hỏi bố mẹ đẻ. Từ đó, anh L không còn quan tâm, chăm sóc đến vợ chồng ông L1, bà Liên. Năm 2014, ông L1 bị bệnh nặng và phải nhập viện cấp cứu, điều trị nhiều tháng. Ngày 08/8/2016, vợ ông L1 là bà Liên chết do già yếu, anh L đã lợi dụng tình hình để chiếm đoạt căn nhà tại số 1B nhà D tập thể C và các giấy tờ nhà đất trên. Bên cạnh đó, anh L không hề quan tâm, chăm sóc ông L1 trong thời gian ông điều trị tại bệnh viện và sau khi bệnh tình của ông thuyên giảm. Do đó, ông L1 không muốn có sự ràng buộc về pháp luật đối với anh L nên tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông L1 và anh Phan Quốc L.

Hiện nay anh L đã 49 tuổi, có khả năng lao động và đã có gia đình riêng nên căn cứ vào Điều 25 và Điều 26 Luật nuôi con nuôi, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của ông và tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông và anh L.

Về lệ phí: ngày 02 tháng 01 năm 2019 ông L1 có đơn xin miễm giảm lệ phí dân sự sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Thẩm phán từ khi thụ lý đơn yêu cầu và trong quá trình mở phiên họp đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Nhận thấy hiện nay anh L đã thành niên và ông L1 tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi nên căn cứ vào khoản 5 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 25, Điều 26 Luật nuôi con nuôi đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông L1 về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với anh L. Về lệ phí: Miễn toàn bộ lệ phí sơ thẩm cho ông Lân.

*Tại bản tự khai và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22 tháng 02 năm 2019 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Phan Quốc L** trình bày*:

Ông Phan Văn L và vợ là bà Lưu Thị Bích L kết hôn từ những năm 60 nhưng không có con nên đã nhận nuôi anh L làm con nuôi khi anh L được bốn tháng tuổi. Việc nhận con nuôi được làm thủ tục hợp pháp tại Ủy ban hành chính khu Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm nhận nuôi con nuôi. Anh L sống với vợ chồng ông L1, bà Liên kể từ đó. Năm 1993, bà Liên, ông L1 có mua chung căn nhà tại số 1B nhà D tập thể C, ngõ 29 Láng Hạ, phường T, quận B, thành phố Hà Nội và cả nhà anh L sinh sống tại đây. Cùng năm này, ông L1 bỏ mẹ con anh L đi sinh sống như vợ chồng với một người phụ nữ khác tại thành phố Hồ Chí Minh. Khi đi ông mang theo 01 xe máy và số tiền còn lại sau khi mua căn nhà anh L và vợ đang ở. Hiện ông L1 sinh sống tại bãi An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ. Tuy vậy, anh L và vợ vẫn qua lại hỏi thăm, chăm sóc ông. Mâu thuẫn chỉ xuất phát từ khi bà Liên bắt đầu bị bệnh ốm, ông L1 có đòi giấy tờ nhà để đi đặt ngân hàng để chữa bệnh cho bà Liên, nhưng bà không đồng ý. Tháng 6/2016, bà có nói với vợ chồng anh L là việc nhà cửa ba mẹ đã giải quyết xong rồi. Sau khi bà Liên mất thì ông đòi về chia tài sản và đề nghị đưa lại cho ông 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng để ông chữa bệnh, còn không đưa thì sẽ là bất hiếu, ngoài ra ông còn kêu đập bỏ bàn thờ, không cho thờ bà Liên. Do gia đình anh L có hoàn cảnh vô cùng khó khăn, bản thân anh L đi làm bảo vệ lương ít ỏi, vợ lại chạy thận 15 năm rồi nên không có tiền để đưa cho ông L1. Khi ông ốm, gia đình anh L, cơ quan anh L vẫn đến thăm hỏi ông khi ông nằm viện, thỉnh thoảng có qua nhà thăm ông. Đối với anh L, ông mãi là bố. Nay ông L1 đề nghị chấm dứt việc nuôi con nuôi với anh L, anh L không đồng ý. Vợ anh L là chị Nguyễn Hồng A, sinh năm 1970 thống nhất với lời khai của anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người đại diện của người yêu cầu và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận B nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn yêu cầu và thẩm quyền giải quyết đúng theo quy định tại Khoản 5 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết việc Hôn nhân và gia đình, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22 tháng 02 năm 2019 và có bản tự khai sau đó vắng mặt không có lý do dù đã nhận được thông báo mở phiên họp. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành mở phiên họp cho các đương sự được.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên đương sự này vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia giải quyết vụ việc. Vì vậy Tòa án áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành mở phiên họp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Ông Phan Văn L và vợ là bà Lưu Thị Bích L kết hôn từ những năm 60 nhưng không có con nên đã nhận nuôi anh L làm con nuôi. Việc nhận con nuôi được làm thủ tục hợp pháp tại Ủy ban hành chính khu Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội số 1872 ngày 26 tháng 5 năm 1970 theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm nhận nuôi con nuôi. Cách đây khoảng 10 (mười) năm, anh L tìm lại được bố mẹ đẻ và thường xuyên qua lại, thăm hỏi bố mẹ đẻ. Từ đó, anh L không còn quan tâm, chăm sóc đến vợ chồng ông L1, bà Liên.

Từ khi nhận anh L làm con nuôi, ông L1 và bà Liên đã chăm sóc và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người nhận con nuôi theo quy định của pháp luật, cho đi học và lo sự nghiệp cho anh L nhưng thời gian gần đây anh L không còn quan tâm, chăm sóc đến vợ chồng ông L1, bà Liên. Ông L1 nhận thấy anh L không mất năng lực hành vi dân và đã lập gia đình riêng, anh L không còn quan tâm đến gia đình ông L1 nữa cũng như không còn chung sống với ông. Vì vậy, ông L1 yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với anh L. Đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên họp là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 25 và Khoản 1 Điều 26 Luật nuôi con nuôi nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Về lệ phí: Do ông L1 là người cao tuổi và có yêu cầu xét miễn lệ phí sơ thẩm. Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12 và khoản 5 Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên yêu cầu xét miễn lệ phí sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[4] Sau khi xem xét đơn yêu cầu và các chứng cứ liên quan chấm dứt việc nuôi con nuôi của ông Phan Văn L đối với anh Phan Quốc L; Xét thấy đơn yêu cầu của ông L1 là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

- Căn cứ biên bản phiên họp việc Hôn nhân và gia đình ngày 29 tháng 3 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 29; Điều 68; Điều 149; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 369; Điều 370; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10, Khoản 1, Điều 25 và Khoản 1 Điều 26 Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12 ngày 17/6/2010; Điều 78 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Khoản 5 Điều 16 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của người yêu cầu ông **Phan Văn L**;

Tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi của ông **Phan Văn L** đối với anh **Phan Quốc L**.

2. Về lệ phí: Ông Phan Văn L được miễn nộp tiền lệ phí sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại biên lai thu số **5136** ngày 19 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

3. Quyền kháng cáo: Người yêu cầu có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc tống đạt hợp lệ quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành quyết định việc dân sự, người phải thi hành quyết định việc dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi Cục THA Dân sự quận B:*
- *Người yêu cầu;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Long